TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 19/4/2024.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch

Ông Đinh Xuân Dậu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Anh –Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1045/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thanh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Bà T có đơn xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 27/10/2023 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn bà Lê Thanh T trình bày:

Bà và ông Phạm Xuân Đ xây dựng gia đình với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 04 tháng 7 năm 2017. Việc kết hôn do bà và ông Đ đều tự nguyện. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly

hôn với ông Phạm Xuân Đ. Nguyên nhân bà T yêu cầu ly hôn là do quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng cãi vã làm cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc.

Hiện bà T xác định không còn tình cảm với ông Đ nên bà T xin ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Lê T1, sinh ngày 21/7/2017 và Phạm Thị M, sinh ngày 17/9/2018. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu T1 và cháu M, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Bà T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2023, bị đơn ông Phạm Xuân Đ trình bày:

Ông và bà Lê Thanh T kết hôn với nhau vào năm năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 04 tháng 7 năm 2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2023 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông có thỉnh thoảng nhậu về chửi bới bà T, có lần thì bóp cổ bà T và cũng có kề dao vào cổ bà T nên vợ chồng cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Sau đó vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 11/2023, ông Đ ở nhà bố mẹ ruột, còn bà T ở nhà riêng tại ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nay bà T yêu cầu xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Tuy nhiên do ông vẫn còn thương yêu vợ con nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Lê T1, sinh ngày 21/7/2017 và Phạm Thị M, sinh ngày 17/9/2018. Nếu ly hôn, bà T yêu cầu nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông cấp dưỡng thì ông cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; Về con chung: Giao cháu tên Phạm Lê T1 và Phạm Thị M cho bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không xem xét.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thanh T khởi kiện xin ly hôn với ông Phạm Xuân Đ và tranh chấp nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung". Bị đơn ông Phạm Xuân Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thanh T và bị đơn ông Phạm Xuân Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, tuy nhiên bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt còn ông Đ thì vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T và bị đơn ông Đ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thanh T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thanh T và ông Phạm Xuân Đ xây dựng gia đình với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 04 tháng 7 năm 2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Đ với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau không bàn bạc đoàn tụ được. Đồng thời ông Phạm Xuân Đ cũng trình bày cuộc sống hôn nhân bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023 nguyên nhân do ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt về có chửi bới bà T, có lần còn dùng bạo lực kề dao vào cổ bà T. Ông Đ không đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải thì ông Đ lại không đến. Chứng tỏ ông Đ cũng bỏ mặc hôn nhân và không có nguyện vọng đoàn tụ với bà T. Do đó, xác định bà T và ông Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, xử cho bà T được ly hôn ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà T và ông Đ có có 02 con chung tên Phạm Lê T1, sinh ngày 21/7/2017 và Phạm Thị M, sinh ngày 17/9/2018. Hiện nay 02 cháu T1 và cháu M đang sống cùng bà T. Khi Ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp

nuôi dưỡng 02 cháu Phạm Lê T1, sinh ngày 21/7/2017 và Phạm Thị M, sinh ngày 17/9/2018. Xét thời gian qua bà T nuôi con tốt, ông Đ không có ý kiến phản ánh hay yêu cầu gì đối với việc nuôi con chung của bà T tại địa phương. Đồng thời cả 02 cháu đều còn nhỏ cũng cần sống với mẹ để được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Phạm Lê T1, sinh ngày 21/7/2017 và Phạm Thị M, sinh ngày 17/9/2018 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà T khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Xét quan điểm của VKS nhân dân huyện T là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" của bà Lê Thanh T đối với ông Phạm Xuân Đ.

Xử cho bà Lê Thanh T được ly hôn với ông Phạm Xuân Đ.

Về con chung: Giao cháu Phạm Lê T1, sinh ngày 21/7/2017 và Phạm Thị M, sinh ngày 17/9/2018 cho bà Lê Thanh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Phạm Xuân Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 110 và Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007672 ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà T, ông Đ được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán- Chủ tọa phiên Tòa**
Đặng Quang Hoạch – Đinh Xuân Dậu	**Bùi Thị Bích Hồng**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Trảng Bom (1);
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom (1);
- UBND xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Hồng